

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGHIÊN CỨU BAO LỰC GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM

HOÀNG BÁ THỊNH^(*)

TÓM TẮT

Nghiên cứu gia đình là một lĩnh vực được các ngành khoa học khác nhau quan tâm khá nhiều, với những cách tiếp cận từ xã hội học, tâm lý học, giáo dục học, nhân học xã hội, văn hoá, v.v. Vài năm gần đây, nghiên cứu bạo lực gia đình được các cấp, ngành và các nhà nghiên cứu đầu tư nhiều thời gian công sức, và đã có những nghiên cứu về bạo lực gia đình ở phạm vi rộng, với quy mô khá lớn trên phạm vi quốc gia. Nhìn lại những nghiên cứu về bạo lực gia đình trong khoảng một thập niên qua, bên cạnh những thành công và đóng góp ở mức độ khác nhau về khoa học và thực tiễn, cũng còn nhiều điều cần được trao đổi. Bài viết này đề cập đến một số vấn đề cần lưu ý khi nghiên cứu bạo lực gia đình ở Việt Nam.

1. HIỂU CHƯA THẬT ĐÚNG VÀ ĐẦY ĐỦ VỀ BAO LỰC GIA ĐÌNH

Trong một số nghiên cứu về bạo lực gia đình ở Việt Nam những năm gần đây, chúng tôi nhận thấy có sự hạn chế trong việc xác định khái niệm bạo lực gia đình. Một vài báo cáo đề tài liên quan đến bạo lực gia đình lại sử dụng khái niệm bạo lực

giới, hoặc bạo lực chống lại phụ nữ, xem đó như là khái niệm công cụ cho nghiên cứu về bạo lực gia đình. Đây là cách hiểu chưa thật đúng về bạo lực gia đình. Do vậy, chúng tôi thấy cần phải đề cập đôi nét đến khái niệm bạo lực gia đình và phân biệt nó với một số khái niệm khác có liên quan.

Có những định nghĩa khác nhau và đa dạng về bạo lực gia đình, sau đây là một vài ví dụ. Bạo lực gia đình được xã hội học định nghĩa là “Ngược đãi bằng tình cảm, thể xác hay tinh dục một thành viên gia đình bằng một thành viên khác” (John J. Macionis, 2004, tr. 474). Còn theo quan điểm luật pháp thì “Bạo lực gia đình là hành vi cố ý gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình” (Điểm 2, Điều 1, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, 2007). Có thể nói, cách hiểu chung nhất về bạo lực gia đình là những hành vi bạo lực xảy ra trong phạm vi gia đình, đó là sự xâm phạm và ngược đãi về thân thể hay tinh thần, tình cảm hay tinh dục, kinh tế hay xã hội giữa các thành viên trong gia đình. Bạo lực gia đình là sự lạm dụng quyền lực, một hành vi sử dụng vũ lực nhằm chửi mắng, hăm dọa hoặc đánh đập một người thân trong gia đình để điều khiển hay kiểm soát người đó.

Hầu hết các nghiên cứu ở Việt Nam về bạo lực gia đình thường trích dẫn định

^(*) Phó Giáo sư, tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

nghĩa về bạo lực giới của Liên Hợp Quốc: “Bất kỳ hành động bạo lực nào dựa trên cơ sở giới dẫn đến, hoặc có khả năng dẫn đến, những tổn thất về thân thể, tinh dục hay tâm lý hoặc những khổ đau của phụ nữ, bao gồm cả sự đe dọa có những hành động như vậy, sự cưỡng bức hay tước đoạt một cách tùy tiện sự tự do, dù nó xảy ra ở nơi công cộng hay trong cuộc sống riêng tư” (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự, 1999, tr. 10; Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, 2004, tr. 10), và bạo lực trong gia đình được hiểu là “hành vi của một người (thường là đàn ông) bằng cách dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực nhằm áp đặt sự kiểm soát đối với người chung sống (vợ hoặc bạn tình)” (VINAFPA, UNFPA, 2002, tr. 48). Khi dẫn ra định nghĩa nói trên, các tác giả này đã *đồng nhất bạo lực gia đình với bạo lực giới*, mà quên mất điều này: bạo lực gia đình là một khái niệm rộng hơn bạo lực giới trong gia đình (hay còn gọi là bạo lực gia đình dựa trên cơ sở giới). Đây cũng là đặc thù của những thuật ngữ về bạo lực gia đình của các tổ chức thuộc Liên hợp quốc, sau đó được khẳng định trong tuyên bố của Hội nghị Phụ nữ thế giới lần thứ 4 tại Bắc Kinh (1995). Dù là định nghĩa về bạo lực chống lại phụ nữ hay bạo lực giới, thì Liên Hợp Quốc chỉ *nhấn mạnh bạo lực một phía mà nạn nhân là phụ nữ*.

Theo chúng tôi sự nhấn mạnh như vậy trong định nghĩa về bạo lực giới của Liên Hợp Quốc đã hàm chứa sự thiên vị giới. Định nghĩa về bạo lực giới, sẽ đầy đủ và khoa học hơn nếu thay vì chỉ đề cập đến “những tổn thất về thân thể, tinh dục hay tâm lý hoặc những khổ đau của phụ nữ”

bằng “những tổn thất về thân thể, tinh dục hay tâm lý hoặc những khổ đau của *phụ nữ* hoặc *nam giới*”.

Những quan niệm về bạo lực gia đình như trên là không đầy đủ. Đầu rằng, trong thực tế phần lớn bạo lực gia đình là *bạo lực giới*, điều này có nghĩa là bạo lực do nam giới thực hiện đối với phụ nữ (hoặc các em gái). Như nhận định của Tổ chức Y tế Thế giới: “Phần lớn bạo lực chống lại phụ nữ xảy ra trong gia đình và người gây ra bạo lực gần như luôn luôn là nam giới, thường là người chồng/người tình, hoặc chồng cũ/người tình cũ, hay những người đàn ông quen biết của phụ nữ” (WHO, 1998, tr. 5). Phụ nữ thường là nạn nhân bởi vì họ có địa vị thấp hơn và ít có quyền lực trong xã hội so với nam giới. Tuy nhiên, bạo lực gia đình cũng có thể xảy ra đối với bất cứ ai có địa vị thấp hoặc có ít quyền lực, ví như trẻ em (bao gồm trẻ em trai); người cao tuổi, v.v.

Trong đời sống gia đình, các mối quan hệ giới trong gia đình lại có những đặc thù (mối quan hệ vợ-chồng khác mối quan hệ giữa các anh chị em, giữa cha với con gái, mẹ với con trai, v.v.) đó là chưa nói đến sự tương đồng và khác biệt trong quan hệ vợ-chồng với mỗi quan hệ giới nói chung. Chúng tôi nhận thấy có một số khái niệm liên quan đến bạo lực gia đình, đó là: bạo lực với phụ nữ (còn gọi là bạo lực chống lại phụ nữ); bạo lực giới; bạo lực giới trong gia đình; bạo lực gia đình. Để dễ hình dung ra sự tương đồng và khác biệt giữa các khái niệm này, và giúp cho sự phân biệt để các nhà nghiên cứu về bạo lực gia đình nói riêng và bạo lực nói chung không còn nhầm lẫn khi sử dụng khái niệm, chúng tôi lập bảng so sánh như sau.

Bảng 1. Sự tương đồng và khác biệt giữa các khái niệm liên quan đến bạo lực gia đình

Khái niệm	Các mối quan hệ	Phạm vi diễn ra
1. Bạo lực chống lại phụ nữ	Nam giới với phụ nữ (bạo lực một chiều/ một phía)	Gia đình, cộng đồng, quốc gia, quốc tế
2. Bạo lực giới	Nam giới và Phụ nữ (bạo lực hai chiều/hai phía)	Gia đình, cộng đồng, quốc gia, quốc tế
3. Bạo lực giới trong gia đình	Các thành viên nam và nữ trong gia đình (các nghiên cứu bạo lực gia đình ở Việt Nam thường chỉ chú ý đến bạo lực của chồng đối với vợ)	Chủ yếu diễn ra trong phạm vi gia đình
4. Bạo lực gia đình	Các thành viên trong gia đình	Chủ yếu diễn ra trong phạm vi gia đình

Bảng trên cho thấy: hai khái niệm bạo lực chống lại phụ nữ và bạo lực giới giống nhau ở mối quan hệ và phạm vi diễn ra, chỉ có điều bạo lực chống lại phụ nữ nhấn mạnh *bạo lực một chiều* của nam giới đối với phụ nữ, còn bạo lực giới thì có quan hệ hai chiều (bạo lực của nam giới với phụ nữ và bạo lực của phụ nữ đối với nam giới). Bạo lực đối với phụ nữ không giới hạn ở bất kỳ nền văn hoá, dân tộc, tôn giáo hoặc nhóm phụ nữ đặc biệt nào. Tuy vậy, những biểu hiện khác nhau về bạo lực đối với phụ nữ được hình thành bởi nhiều yếu tố, bao gồm tình trạng kinh tế, dân tộc, lứa tuổi, quốc tịch, văn hóa, tôn giáo. Nghiên cứu đã xác định các yếu tố có nguy cơ dẫn đến bạo lực với phụ nữ có thể diễn ra ở cấp độ cá nhân, gia đình, cộng đồng và nhà nước.

Trong khi đó, sự giống nhau giữa hai khái niệm bạo lực giới và bạo lực giới trong gia đình đều đề cập đến các mối quan hệ bạo lực giữa nam giới và phụ nữ. Nhưng điểm khác nhau của hai khái niệm này là bạo lực giới trong gia đình có phạm vi hẹp hơn bạo lực giới, nói cách khác bạo lực giới trong

gia đình hàm ý chỉ những hành vi bạo lực giữa nam giới và phụ nữ chủ yếu xảy ra trong phạm vi gia đình mà thôi. Còn bạo lực giới có phạm vi rộng hơn, đó là những bạo lực giữa hai giới xảy ra trong các lĩnh vực hoạt động xã hội khác nhau (nơi làm việc, công cộng, trong xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo; bạo lực với nữ lao động nhập cư, buôn bán phụ nữ và trẻ em gái, các phong tục tập quán gây hại cho sức khỏe của phụ nữ và em gái, phạm tội chống lại phụ nữ vì những lý do liên quan đến “danh dự”, v.v.).

Tuy nhiên, mặc dù bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình có phạm vi hẹp (diễn ra trong gia đình) nhưng các dạng bạo lực đối với phụ nữ rất đa dạng và có thể diễn ra trong gia đình trong suốt cuộc đời từ lúc trước khi được sinh ra đến lúc tuổi đã già, bao gồm bạo lực tình dục, bạo lực liên quan đến của hồi môn, giết trẻ em gái khi còn sơ sinh, lạm dụng tình dục các em gái trong gia đình, cắt bộ phận sinh dục của phụ nữ và các hủ tục xâm hại đến phụ nữ, tảo hôn, hôn nhân bị ép buộc, v.v.

Cần lưu ý rằng, về phạm vi thì bạo lực gia đình dựa trên cơ sở giới là một khái niệm hẹp hơn khái niệm bạo lực chống lại phụ nữ và bạo lực giới. Theo định nghĩa được nêu trong Tuyên ngôn về loại trừ nạn bạo lực chống lại phụ nữ do Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua năm 1993, với định nghĩa này thì bạo lực chống lại phụ nữ là “bất kỳ hành động bạo lực nào dựa trên cơ sở giới dẫn đến, hoặc có khả năng dẫn đến, những tổn thất về thân thể, về tình dục hay tâm lý hoặc những đau khổ của phụ nữ, bao gồm cả sự đe dọa có những hành động như vậy, sự cưỡng bức hay tước đoạt một cách tùy tiện sự tự do, dù nó xảy ra ở nơi công

cộng hay trong cuộc sống riêng tư” (UN, 1995, tr. 73; UNIFEM, 1998). Định nghĩa của Liên Hợp Quốc nêu trên có phạm vi rộng bao gồm các hành vi bạo lực chống lại phụ nữ trong cuộc sống riêng tư (trong gia đình) lẫn các hành vi bạo lực chống lại phụ nữ ở nơi công cộng (ngoài gia đình). Theo quan điểm của Liên Hợp Quốc, bạo lực chống lại phụ nữ có thể phân loại thành sáu lĩnh vực như sau: 1) Bạo lực trong gia đình; 2) Bạo lực về giới; 3) Những tập tục hủ lậu đối với phụ nữ; 4) Tệ nạn buôn bán trẻ em gái và phụ nữ; 5) HIV/AIDS và bạo lực; và 6) Những tội ác chống lại phụ nữ trong chiến tranh và trong các cuộc xung đột vũ trang.

Chính vì quan niệm chưa thật đúng và đầy đủ về bạo lực gia đình, nên đa số những nghiên cứu về bạo lực gia đình ở nước ta thời gian qua chủ yếu chỉ đề cập đến bạo lực giữa vợ và chồng mà thôi và lại *chi tập trung và nhấn mạnh đến bạo lực của chồng đối với vợ*. Điều này dẫn đến việc phân tích các hình thức bạo lực gia đình đã bỏ qua các hành vi bạo lực giữa các thành viên có mối quan hệ ruột thịt, máu mủ hay con nuôi. Do vậy, khi nghiên cứu bạo lực gia đình cần chú ý đến hai cách phân chia “kênh” của bạo lực gia đình sau.

- Theo *mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình*: có hai loại bạo lực chủ yếu là bạo lực đối với vợ chồng và bạo lực đối với con cái. Bên cạnh đó cũng có bạo lực giữa anh/chị em, và các thành viên khác trong gia đình (tùy thuộc vào loại hình và quy mô của gia đình).

- Theo *tính chất của bạo lực*: có những hình thức khác nhau, nhưng có hai loại thường được nhắc đến nhiều hơn cả là bạo lực thân thể (bạo lực thể chất) và bạo lực

tinh thần (tình cảm, tâm lý) (Hoàng Bá Thịnh, 2005).

Gần đây, trong những nghiên cứu về bạo lực gia đình ở Việt Nam, thường quan tâm đến bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần, bạo lực kinh tế, bạo lực tình dục, bạo lực xã hội (cô lập, cách ly), là những hình thức bạo lực gia đình cơ bản nhất. Theo chúng tôi, cách phân chia các loại hình bạo lực như vậy chỉ nhằm mục đích để nhận thức, còn trong thực tế khó phân định được rạch ròi các kiểu loại bạo lực như vậy. Có những hành vi bạo lực thuộc về một loại hình bạo lực nhưng cũng có hành động bạo lực thường kết hợp từ hai hay nhiều hình thức bạo lực. Ví dụ: đánh đập (bạo lực thể chất) thường đi kèm với sự chửi mắng, nhiếc móc (bạo lực tinh thần) hay như trường hợp bạo lực tình dục thường kết hợp cả hai hình thức bạo lực thể chất (cưỡng bức) và bạo lực tinh thần, tình cảm (cảm giác chán chường của người vợ “đành thôi phó mặc một vài trống canh”), hay sự tui hỏ, nhục nhã của nạn nhân.

2. MỘT VÀI LƯU Ý KHI NGHIÊN CỨU VỀ BẠO LỰC GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM

Trong vài năm trở lại đây, bạo lực gia đình - một vấn đề có tính toàn cầu - được xem là đề tài thu hút giới nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn và các tổ chức quốc tế. Có thể ghi nhận những đóng góp của các nghiên cứu đó trong việc cung cấp thông tin, kiến giải về bạo lực gia đình ở nước ta, ngõ hầu giúp cho các nhà quản lý, các nhà lập pháp trong việc quản lý gia đình, phòng chống bạo lực trong gia đình có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, từ những nghiên cứu được công bố gần đây trong các ấn phẩm, các hội thảo khoa học và trên các phương tiện truyền thông đại chúng, chúng

tôi thấy có mấy vấn đề cần trao đổi khi nghiên cứu về bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay.

2.1. *Không nên “tuyệt đối hóa bạo lực giới một chiều”*: nghĩa là chỉ thấy bạo lực của nam giới đối với phụ nữ. Có một thực tế là, bạo lực giới nói chung và bạo lực giới trong gia đình nói riêng phần lớn là do nam giới gây ra với phụ nữ. Nhưng cũng cần nhận thấy rằng, cũng còn có bạo lực của phụ nữ đối với nam giới. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, có khoảng 9-10% trường hợp nạn nhân của bạo lực gia đình là nam giới và thủ phạm chính là những bà vợ (Hoàng Bá Thịnh, 2000, tr. 60; 2006b). Nhiều công trình nghiên cứu xã hội học trên thế giới cũng cho thấy: đôi khi, tỷ lệ bạo lực giới trong gia đình là gần ngang nhau giữa nam và nữ. Theo nghiên cứu của các nhà xã hội học trên thế giới, không ít nam giới là nạn nhân của bạo lực gia đình “Hầu hết nạn nhân đều là nữ, nhưng không phải lúc nào cũng thế, mỗi năm có khoảng 300.000 ông chồng cũng bị vợ đánh đập” (O’ Reilly, 1983 - dẫn theo Macioinis, 2005, tr. 475). Bạo lực vợ chồng liên quan đến chồng đánh vợ cũng như vợ đánh chồng. Số liệu điều tra năm 1985 ở Mỹ cho thấy có 44 ông chồng đánh vợ so với 31 vợ đánh chồng. Nghiên cứu năm 2000 cho thấy, không có sự khác biệt giới trong bạo lực và những ảnh hưởng của bạo lực đối với nạn nhân nam hay nữ đều giống nhau (R. H Lauer, 2002, tr. 445- 446). Một nghiên cứu trên toàn nước Mỹ chỉ ra: có hơn 55% nam giới từng bị đâm đá, trong khi đó phụ nữ có tỷ lệ thấp hơn: 23% (C. L Jones và cộng sự, 2002, tr. 187). Với 2.947 phụ nữ từ một nghiên cứu năm 1985. Strauss và Gelles thấy rằng, nam giới là

những người có khả năng bị ngược đãi bởi bạn đời của họ hơn. Họ cũng chỉ ra rằng, so sánh với năm 1975 và năm 1985, thì tỷ lệ nạn bạo hành trong gia đình của nam giới với phụ nữ giảm đi, trong khi bạo hành của phụ nữ đối với đàn ông tăng lên (C. L Jones và cộng sự, 2002, tr. 188).

Theo con số của Bộ Tư pháp Mỹ, “mỗi năm khoảng 1.300 phụ nữ bị chồng, bạn trai giết chết. Ở chiều ngược lại, mỗi năm có 500 nam giới bị vợ hoặc bạn gái kết liễu cuộc đời. Con số này chưa tính số nam giới bị phụ nữ giết trong các tình thế người phụ nữ phải tự bảo vệ. Nếu cộng lại, số đàn ông chết vì tay phụ nữ do kết quả của hành động bạo lực trong gia đình không thua kém gì so với con số 1.300 nói trên”. Khi phân tích về sự khác biệt giới trong bạo lực, các chuyên gia hình sự nhận thấy thủ phạm là phụ nữ thường sử dụng các hình thức tinh vi hơn nam giới, như đầu độc từ từ, khiến cho các bác sĩ pháp y dễ nhầm lẫn với những căn bệnh khác như bệnh tim; hoặc sử dụng người khác (tình nhân, thuê kẻ giết người chuyên nghiệp). Một thống kê của Bộ Tư pháp Mỹ cho thấy trong 10.000 vụ giết người có 40% nếu truy đến cùng sẽ là một phụ nữ chịu trách nhiệm.

Từ mấy ý trên đây, có thể thấy dường như có vấn đề trong cách tiếp cận nghiên cứu bạo lực gia đình. Nói theo quan điểm giới, thì có sự thiên vị giới trong nghiên cứu giới và bạo lực gia đình. Mà sự thiên vị giới ở đây là chỉ thấy bạo lực giới một chiều của chồng đối với vợ, mà không thấy rằng *bạo lực giới trong gia đình là bạo lực có tính chất hai chiều*. Cũng không nên quên rằng, phụ nữ không chỉ là nạn nhân của bạo lực gia đình mà còn là thủ phạm của bạo lực gia đình; ngay cả khi họ bị chồng sử dụng

bạo lực. Nam giới bị bạo lực từ phụ nữ, nhưng họ thường không dám lên tiếng bởi lẽ họ vốn được xã hội quan niệm là phái mạnh, thêm nữa nhận thức về bạo lực gia đình chỉ như là một vấn đề của phụ nữ đã khiến cho nam giới rất khó nói lên những trường hợp họ bị lạm dụng, bị ngược đãi và bạo lực với những mức độ khác nhau. Bên cạnh đó, đa số phụ nữ khi bị chồng bạo lực thì họ thường cho rằng chính phụ nữ là người có lỗi. Nghiên cứu của Tổng cục Thống kê và UNICEF về Đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2006 cho thấy: thật đáng ngạc nhiên vì có tới 63,8% phụ nữ trong độ tuổi 15-49 chấp nhận hành vi bạo lực của chồng với bất kỳ lý do nào sau đây: nếu vợ đi chơi mà không nói cho chồng biết; nếu vợ bỏ bê con cái; nếu vợ cãi lại chồng; nếu vợ từ chối quan hệ tình dục với chồng; và nếu vợ nấu thức ăn bị cháy (Tổng cục Thống kê, UNICEF, 2007).

Sự thiên vị giới trong nghiên cứu bạo lực gia đình như trên, cũng là một trong những lý do khiến cho một số người nghiên cứu khi lấy yếu tố “gia trưởng” của nam giới, thậm chí còn khái quát thành “xã hội gia trưởng” hoặc “xã hội nam trị” và coi đây là yếu tố quan trọng nhất để giải thích cho hiện tượng bạo lực gia đình. Nếu vậy, sẽ giải thích như thế nào với những trường hợp nam giới là nạn nhân của bạo lực gia đình?

Vì thế, rất cần có cái nhìn toàn diện, khách quan hơn trong nghiên cứu hoặc công bố về những thông tin liên quan đến bạo lực giới trong gia đình.

2.2. *Không nên chỉ giới hạn bạo lực gia đình trong mối quan hệ vợ chồng*: nói đến bạo lực trong gia đình, đa số nghiên cứu chỉ đề cập đến bạo lực giữa vợ chồng với

nhau, mà thường ít nói đến hoặc bỏ qua hành vi bạo lực giữa các thành viên khác trong gia đình. Đó là bạo lực của người lớn với trẻ em (cha mẹ bạo lực con cái, ông bà bạo lực cháu), bạo lực giữa các thành viên lớn tuổi (anh chị em, mẹ chồng nàng dâu, em chồng chị dâu, v.v.) hay bạo lực ngược (con cái bạo lực cha mẹ, cháu ngược đãi ông bà). Sự khiếm khuyết này trong nghiên cứu không chỉ làm nghèo đi nội dung của nghiên cứu bạo lực gia đình mà còn khiến cho cộng đồng, xã hội nhận thức sai lệch, không đầy đủ về bạo lực gia đình.

2.3. *Cần tránh những sai sót về phương pháp nghiên cứu, điều tra về bạo lực gia đình*: những năm gần đây, ở nước ta phương pháp điều tra xã hội học phổ biến đến mức không ít người quan niệm “phi xã hội học bất thành... nghiên cứu khoa học” (!). Tuy nhiên, điều này dường như dẫn đến sự lạm dụng phương pháp điều tra xã hội học, nhất là với những khảo sát do những người nghiên cứu thiếu kinh nghiệm, chưa nắm vững các phương pháp điều tra, nghiên cứu trong khoa học xã hội, hoặc vì những lý do khác nhau (quan điểm nghiên cứu; sự hạn hẹp về thời gian, về các nguồn lực, v.v.) mà dẫn đến những thiếu sót về phương pháp trong nghiên cứu về bạo lực gia đình. Như một vài dẫn chứng sau đây.

- Một là, *chỉ nghiên cứu nhóm đặc thù mà khái quát chung cho tất cả*, đây là một điều nên tránh. Đã có một vài nghiên cứu được công bố trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trong các hội thảo cho thấy tỷ lệ cao ngất trời về phụ nữ là nạn nhân của bạo lực từ chồng mình. Ví dụ: Báo Lao động số 226 ngày 17/8/2006 có đưa tin với tiêu đề khá giật mình “91% số phụ nữ bị bạo hành”. Đọc tin này, độc giả trong nước và

đặc biệt là người nước ngoài sẽ cho rằng, cứ 100 phụ nữ Việt Nam thì có 91 người bị chồng bạo hành. Trên thực tế, đó là tỷ lệ rút ra từ số liệu thống kê trong vòng 3 năm với 1.226 lượt phụ nữ đến Trung tâm Tư vấn chăm sóc sức khỏe thuộc dự án “Cải thiện chăm sóc sức khỏe cho nạn nhân bị bạo hành giới”. Điều này có nghĩa là, chỉ có những phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình đến mức không thể chịu đựng nổi thì mới đến Trung tâm Tư vấn này. Nói cách khác, 91% đó chỉ là trong số những phụ nữ đến Trung tâm Tư vấn này là *những phụ nữ đã bị bạo lực gia đình*, chứ không phải 91% phụ nữ Việt Nam bị bạo lực gia đình.

Một nghiên cứu khác ở Thái Bình, cũng chỉ nghiên cứu *những nạn nhân của bạo lực gia đình*, rồi khi công bố kết quả không đề cập đến đối tượng được điều tra tập trung vào nhóm phụ nữ bị bạo lực. Với những người không biết đến nghiên cứu này thì người ta sẽ tin vào những thông tin được công bố. Nhưng người trong cuộc thì họ không đồng ý, nên mới có chuyện khi người chủ trì nghiên cứu này trình bày kết quả nghiên cứu trong một Hội nghị tại thành phố Thái Bình (2006), thì Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh Thái Bình đã có ý kiến đề nghị phải nói rõ đó là “*nghiên cứu chỉ tập trung vào những cặp vợ chồng có đánh nhau, xung đột mà thôi*”. Do chỉ nghiên cứu các nhóm đặc thù, nhưng khi công bố kết quả thì không rõ vì thiếu hiểu biết hay do chủ ý mà những người thực hiện những nghiên cứu như vậy lại không nói rõ đối tượng mà họ nghiên cứu là ai, tạo nên sự sai sót đáng tiếc.

Vì thế, với những nghiên cứu đặc thù như vậy, khi công bố cần nói rõ phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận khách thể nghiên

cứu, tránh trường hợp “lập lờ” gây nên sự hiểu sai về thông tin.

Hai là, nghiên cứu bạo lực gia đình nhưng *chỉ tập trung nghiên cứu nạn nhân* (phụ nữ bị bạo lực) hay chỉ nghiên cứu phụ nữ chính là một biểu hiện của sự thiên vị giới trong nghiên cứu. Hiện tượng này không chỉ có ở một vài nghiên cứu trong thời gian gần đây, mà gần chục năm trước cũng đã có quan niệm như vậy “Nhóm nghiên cứu đã quyết định chỉ phỏng vấn phụ nữ có chồng vì các nhà nghiên cứu cho rằng ý kiến của phụ nữ sẽ có nhiều thông tin quý báu hơn ý kiến của nam giới” (Vũ Mạnh Lợi và cộng sự, 1999, tr. 8). Trong nghiên cứu giới, mọi người đều biết rằng nam giới và phụ nữ có nhận thức, quan điểm, thái độ và nhu cầu khác nhau. Trong hoàn cảnh “có vấn đề” như bạo lực gia đình - vốn được coi là lĩnh vực nhạy cảm - thì người phụ nữ là nạn nhân sẽ có nhiều bức xúc, vì thế khó tránh khỏi được sự thiên lệch về thông tin. Đó là chưa tính đến thiếu vắng sự tham gia của nam giới trong nghiên cứu, thì chỉ mới tiếp cận được một nửa sự thật mà thôi; còn với những dự án can thiệp sẽ không đạt được mục tiêu vì không có sự tham gia của nam giới. Xuất phát điểm của nghiên cứu nói trên, bằng quan niệm “*các nhà nghiên cứu cho rằng ý kiến của phụ nữ sẽ có nhiều thông tin quý báu hơn ý kiến của nam giới*” nên nhóm tác giả quyết định “*chỉ phỏng vấn phụ nữ có chồng*” cho thấy sự thiên vị giới ngay từ khi thiết kế nghiên cứu, và tất nhiên, thông tin chỉ có từ “*một nửa thế giới*” và không tránh khỏi sự thiên vị giới.

Ba là, *chọn mẫu nghiên cứu thiếu tính đại diện*: gần đây, một tổ chức phi chính phủ chuyên về hoạt động tư vấn có thực hiện

đánh giá với chủ đề “Phòng chống bạo lực gia đình - Thực trạng, nhu cầu và ưu tiên cho các hoạt động can thiệp tại hai tỉnh Phú Thọ và Bến Tre”. Địa bàn nghiên cứu bao gồm 16 xã thuộc 2 huyện Đoan Hùng (Phú Thọ) và Bình Đại (Bến Tre), nhưng đơn vị thực hiện đánh giá này chỉ phỏng vấn 44 người (trong đó 21 là cán bộ, công chức, ban ngành cấp xã, huyện) và 12 thảo luận nhóm (trong đó chỉ có 4 thảo luận nhóm người dân). Như vậy, bình quân mỗi xã phỏng vấn chưa được 3 người, và mỗi xã bình quân chỉ có 0,7 thảo luận nhóm mà thôi. Cũng cần lưu ý thêm, trong 12 thảo luận nhóm được thực hiện tại 16 xã của hai tỉnh Phú Thọ và Bến Tre, nhóm nghiên cứu không tổ chức nhóm riêng biệt theo giới, và người tham gia thảo luận nhóm quá đông (ví dụ nhóm cán bộ y tế ở Phú Thọ là 18 người, ở Bến Tre là 15 người; hay nhóm cán bộ chính quyền ở Phú Thọ với 13 người/nhóm, và ở Bến Tre là 29 người/2 nhóm) (UNFPA, 2007, tr. 15).

Với dung lượng mẫu quá ít trên nhiều điểm nghiên cứu như vậy, thông tin không thể đại diện được cho các cộng đồng nghiên cứu, đó là chưa nói đến gần một nửa số người được phỏng vấn sâu và 3/4 trong số người thảo luận nhóm lại là cán bộ các ban ngành, đoàn thể - những người được xem là “giới tinh hoa” ở các cộng đồng nông thôn - họ có hiểu biết, quan niệm và nhu cầu khác xa với người nông dân mà đa số học vấn thấp, nhất là những người nghèo. Đáng chú ý là, nghiên cứu này được thực hiện với việc sử dụng các công cụ PRA (đánh giá nông thôn có sự tham gia), mà bản chất của PRA được thiết kế với mục đích tạo điều kiện cho mọi người dân trong cộng đồng tham gia, đặc biệt cả những người thuộc nhóm “yếu thế” nghèo đói, không

biết chữ. Người dân không chỉ đóng vai trò là người cung cấp thông tin mà còn đóng vai trò như là chủ thể, một đối tác trong việc thu thập và phân tích thông tin. Nhưng nhóm nghiên cứu đã thực hiện sai lệch với bản chất của PRA. Trong phần xác định nhu cầu và các ưu tiên của địa phương trong phòng chống bạo lực gia đình (mục 6.5, từ trang 40 đến 47) có trích dẫn 21 ý kiến thì chỉ có 7/21 ý kiến của người dân (3 ý kiến của nam giới là người gây bạo lực, 3 ý kiến của phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình, và 1 ý kiến của nam giới) còn lại 14/21 là ý kiến của những cán bộ chủ chốt cấp xã, huyện.

Với kết quả này, chương trình can thiệp sẽ không đạt hiệu quả như mong đợi: phòng chống bạo lực gia đình trong các cộng đồng nông thôn, vì tiếng nói của người dân bị lấn át, chìm đi dưới những nhận định của tầng lớp “tinh hoa” ở địa phương. Thế nhưng, nhà tài trợ và đơn vị nghiên cứu vẫn có kỳ vọng cao “Để chuẩn bị xây dựng mô hình phòng, chống bạo lực gia đình tại hai tỉnh Phú Thọ và Bến Tre, với sự hỗ trợ của UNFPA, Trung tâm Nghiên cứu và ứng dụng khoa học về giới, gia đình, phụ nữ và vị thành niên (CSAGA) đã tiến hành nghiên cứu đánh giá thực trạng, nhu cầu và ưu tiên của địa phương về các hoạt động can thiệp phòng chống bạo lực gia đình. Kết quả nghiên cứu này sẽ cung cấp cho địa phương nguồn thông tin cơ bản làm căn cứ cho việc thực hiện mô hình thử nghiệm trong chương trình quốc gia 7 của UNFPA” (UNFPA, 2007, tr. 12-13).

Trong giới nghiên cứu, chúng tôi xem đó là những “sai lầm chết người”, điều mà người nghiên cứu chuyên nghiệp không được phép vi phạm những sai sót sơ đẳng không

đáng có như thế, vì hậu quả thật khó lường hết (Hoàng Bá Thịnh, 2006c).

Những hạn chế nói trên trong nghiên cứu về bạo lực gia đình ở Việt Nam khi công bố trên các phương tiện truyền thông đại chúng sẽ dẫn đến những hiểu lầm đáng tiếc. Chẳng hạn, trong một nghiên cứu gần đây tại 8 tỉnh, thành phố trong cả nước do Vụ các Vấn đề Xã hội (Ủy ban Các vấn đề Xã hội của Quốc hội) phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong Phát triển (CGFED) nghiên cứu tại 6 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Nam Định, Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Đồng Tháp, Trà Vinh: với 900 bảng hỏi và 110 phỏng vấn sâu, 54 thảo luận nhóm) và Viện Nghiên cứu Người cao tuổi nghiên cứu tại 2 tỉnh (Lào Cai, Sơn La với 400 đại diện hộ gia đình, 22 thảo luận nhóm và 15 phỏng vấn sâu). Do cung cấp thông tin từ một quan chức như thế nào đó nên một số báo chí công bố không đúng khi nói về điều tra này với *“2.000 phụ nữ được phỏng vấn”* (Báo Phụ nữ TPHCM, số 66 ngày 29/8/2006). Hay như nghiên cứu về bạo lực gia đình ở hai tỉnh Phú Thọ và Bến Tre nói trên, với 44 phỏng vấn sâu và 12 thảo luận nhóm nhưng đơn vị nghiên cứu công bố tổng số người tham gia phỏng vấn là 190 người (UNFPA, 2007, tr. 15).

Việc công bố thông tin như vậy, dẫn đến sự hiểu lầm về quy mô nghiên cứu và giới tính của người được nghiên cứu, mà chỉ người thực hiện nghiên cứu này mới nhận thấy sự sai lệch thông tin đáng tiếc này.

Chúng tôi còn nhớ, mấy năm trước, cũng có một vài tờ báo đăng tin về kết quả nghiên cứu bạo lực gia đình ở Việt Nam, rồi có hãng thông tấn nước ngoài đưa tin lại, khiến cho một tổ chức quốc tế ở Việt

Nam phải lên tiếng bác bỏ luận điệu hoàn toàn sai sự thật trong bài “Phần lớn phụ nữ Việt Nam bị ngược đãi” khi nói rằng “Hầu hết nam giới và phụ nữ Việt Nam cho rằng đàn ông ngược đãi vợ là có thể chấp nhận được” (Báo Nhân dân, ngày 25/10/2002).

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về bạo lực gia đình là rất cần thiết, và những kết quả được công bố rộng rãi sẽ góp phần giúp cho việc nâng cao nhận thức của xã hội về bạo lực gia đình và những hậu quả của nó. Đồng thời, cũng giúp cho các tổ chức xã hội, các ban ngành làm tốt hơn việc phòng, chống bạo lực gia đình và đưa Luật phòng, chống bạo lực gia đình vào cuộc sống. Nhưng, cần tránh rơi vào quan niệm một chiều, cách tiếp cận thiếu khoa học và nhất là những khiếm khuyết về phương pháp nghiên cứu. Đặc biệt không nên sao chép một cách rập khuôn quan điểm và kinh nghiệm về bạo lực gia đình của nước ngoài, như một số người chịu ảnh hưởng của quan niệm “nữ quyền cấp tiến” gần đây. Nếu không tránh được những thiếu sót này, hay nói cách khác, không có những nghiên cứu về bạo lực gia đình ở Việt Nam với quan điểm và phương pháp nghiên cứu khoa học, tinh thần làm việc nghiêm túc và sự trung thực của người nghiên cứu, thì rất có thể sẽ dẫn đến những tác động trái chiều, những hậu quả xã hội ngoài mong đợi. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Lao động, số 226 ngày 17/ 8/ 2006.
2. Báo Nhân dân, ngày 25/10/2002.
3. Báo Phụ nữ TPHCM, số 66 ngày 29/8/2006.
4. Benokraitis, N.V. 1996. *Marriages and Families - Changes, Choices and Constraints*; 2nd edition Prentice Hall.

5. C. L. Jones và cộng sự. 2002. *Tương lai của gia đình*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.
6. Hoàng Bá Thịnh. 2000. *Ảnh hưởng của môi trường sống, lao động đến sức khỏe phụ nữ ở nông thôn*. Trong: *Phụ nữ, sức khỏe, môi trường*. Trung tâm Nghiên cứu Giới, Gia đình và Môi trường trong Phát triển (CGFED). Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. Hoàng Bá Thịnh. 2003. *Bạo lực gia đình: Thực trạng và giải pháp ngăn chặn*. Tạp chí Lý luận Chính trị, số 3/2003.
8. Hoàng Bá Thịnh (Chủ biên). 2005. *Bạo lực gia đình ở Việt Nam và vai trò truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
9. Hoàng Bá Thịnh. 2006a. *Cưỡng ép tình dục trong hôn nhân*. Tạp chí Xã hội học, số 4/2006.
10. Hoàng Bá Thịnh. 2006b. *Bạo lực gia đình - Nhận thức, mức độ, nguyên nhân và giải pháp phòng chống* (Báo cáo nghiên cứu bạo lực gia đình tại 6 tỉnh, thành phố làm cơ sở khoa học cho Ủy ban Các vấn đề Xã hội của Quốc hội (khóa XI) xây dựng Luật phòng, chống bạo lực gia đình).
11. Hoàng Bá Thịnh. 2006c. *Nghiên cứu bạo lực gia đình ở Việt Nam*. Báo Tuổi trẻ cuối tuần, số 47, ngày 26/11/2006.
12. Hoàng Bá Thịnh. 2008. *Bạo lực gia đình, lỗi không chỉ nam giới*. Báo Phụ nữ, số 54, ngày 15/7/2008.
13. Hoàng Nguyễn Từ Khiêm-Nguyễn Kim Thúy. 2005. *Bạo lực gia đình - Hình thức, nguyên nhân và hậu quả*. Tạp chí Lý luận Chính trị, số 5/2003.
14. Lauer, R&H. 2002. *Social Problems and the Quality of Life*; 8th edition; McGraw Hill.
15. Macionis, J. J. 2004. *Xã hội học*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
16. Tổng cục Thống kê, UNICEF. 2007. *Việt Nam - Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2006*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
17. UNFPA. 2007. *Phòng chống bạo lực gia đình - thực trạng, nhu cầu và ưu tiên cho các hoạt động can thiệp tại hai tỉnh Phú Thọ và Bến Tre*.
18. UNIFEM. 1998. *A Life Free of Violence, Its our Right; Unifem Asia-Pacific Campaign on Elimination of Violence Against Women*; UNIFEM Bangkok.
19. United Nation. 1995. *Platform for Action and the Beijing Declaration*. Fourth World Conference on Women; Beijing China 4-15 September.
20. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em. 2004. *Báo cáo kết quả khảo sát thực trạng bạo lực gia đình tại miền Đông Nam Bộ*. Tài liệu chưa xuất bản.
21. Vũ Mạnh Lợi và cộng sự. 1999. *Bạo lực trên cơ sở giới: Trường hợp Việt Nam*. Hà Nội.
22. WHO. 2005. *Multi - country Study on Women' Health and Domestic Violence against Women*, Summary report.
23. 2007. *Luật phòng, chống bạo lực gia đình*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.